

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 08 -7-2020
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Thanh Hồng và ông Lương Văn Hịa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Châm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cà Thị H; Sinh năm: 1982;
Địa chỉ: Đội 17, bản T, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lương Văn T; Sinh năm: 1986;
Đội 17, bản T, xã Th, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/3/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Cà Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh Lương Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, chung sống với nhau từ năm 2005, đến ngày 05/6/2006 thì mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu, nhưng sau đó thì thường xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, anh T không chịu làm ăn, nghiện ma túy, thường hay chửi mắng đánh đập chị. Từ đó cuộc sống gia đình ngày càng sút mẻ và không hạnh phúc. Hai vợ chồng cũng được hai bên gia đình hàn gắn nhưng không được. Đến cuối năm 2019 thì hai vợ chồng đã sống

ly thân. Nay chị H thấy không thể còn chung sống với anh T, vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện tình cảm giữa anh chị cũng không còn, chị H xin được ly hôn với anh T.

Về con: Chị H và anh T có một con chung là Lương Văn Đ, sinh ngày 20/4/2006, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nếu ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Đ, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con; Hiện chị H có thu nhập ổn định từ việc làm ruộng và đi làm thuê, đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng cháu.

Về tài sản và nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T qua đường bưu điện, qua người thân thích, trưởng bản và niêm yết tại nơi cư trú, đã triệu tập hợp lệ anh T đến Tòa án để giải quyết vụ việc nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa giải quyết vụ việc theo qui định. Tại đơn xin xác nhận của chị Cà Thị H ngày 11/5/2020 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Thanh An thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị H do anh T nghiện ma túy, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, từ cuối năm 2019 đến nay sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Hai vợ chồng một con chung là Lương Văn Đ, sinh ngày 20/4/2006, hiện đang ở cùng chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 05/3/2020 chị Cà Thị H nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Lương Văn T, nơi đăng ký thường trú: Đội 17, bản Ten Luống, xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị H có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 05/3/2020 chị H có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và được Tòa án chấp nhận, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị H theo Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa chị Cà Thị H và anh Lương Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho chị H, anh T theo quy định của BLTTDS. Anh T đã vắng mặt tại các buổi làm việc của

tòa án, vắng mặt tại phiên tòa đây là những căn cứ xác định vụ án không tiến hành hòa giải được theo qui định tại các khoản 1 điều 207 BLTTDS.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Chị Cà Thị H và anh Lương Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 05/6/2006, các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh T không còn hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị H do anh T nghiện ma túy, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, hai bên gia đình đã hòa giải cho anh chị nhưng không thành. Từ cuối năm 2019 đến nay sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nội dung này đã được ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Điện Biên xác nhận. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn cãi vã, không quan tâm nhau, hiện nay đã ly thân là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định hai vợ chồng đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình của vợ và chồng. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị H, giải quyết cho chị H ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có một con chung là Lương Văn Đ, sinh ngày 20/4/2006. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ vì hiện cháu còn nhỏ tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn; Hiện chị H đang làm ruộng và đi làm thuê, có thu nhập đủ để đảm bảo chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Chị H không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu và nguyện vọng của chị H là chính đáng, phù hợp với qui định của pháp luật, cháu Đạt cũng có nguyện vọng được mẹ cháu nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ các qui định tại điều 58, điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu Đạt cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị H không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét

Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Án phí: Chị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án vì là cá nhân thuộc hộ cận nghèo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cà Thị H, cho ly hôn giữa chị Cà Thị H và anh Lương Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lương Văn Đ, sinh ngày 20/4/2006 cho chị Cà Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động hoặc khi có sự thay đổi khác. Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/07/2020), đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- VKSND HDB;
- UBND xã Th;
- Chi cục THADS HDB;
- Tòa án tỉnh DB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Ngọc